

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25/07/2018

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN-TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Ông **Lê Văn Nải**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Như** – Kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 07 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2018 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **An Thị Ngọc N**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Anh **Châu Minh S**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị An Thị Ngọc N trình bày:

- Về hôn nhân: Vào ngày 09/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2015 dương lịch) được sự đồng ý của hai bên gia đình tôi và anh Châu Minh S có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Tuy nhiên đến nay chúng tôi vẫn không có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được hơn 01 năm thì anh S phát sinh nhiều thói hư tật xấu như rượu chè, cờ bạc và không lo chí thú làm ăn. Mỗi lần nhậu về anh S hay đánh đập tôi. Mặc dù đã được hai bên gia đình hết mực khuyên can và tôi cũng đã cho anh S nhiều

cơ hội đề sửa đổi nhưng anh S vẫn không thay đổi những thói hư, tật xấu này. Hiện tại tôi với anh S đã ly thân với nhau từ ngày 26/12/2017 âm lịch (nhằm ngày 11/2/2018 dương lịch) đến nay. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với anh S nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Châu Minh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống tôi và anh S có với nhau 01 người con chung tên An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016. Hiện nay cháu An Minh Đ đang sống cùng với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống tôi và anh S không có tài sản chung cũng như nợ chung do đó tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Châu Minh S trình bày:

- Về hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của vợ tôi về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên hiện tại tôi còn rất thương vợ, thương con, tôi xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi không đến mức trầm trọng phải ly hôn. Do đó tôi yêu cầu Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi được chung sống trở lại với nhau.

- Về con chung: Quá trình chung sống tôi và vợ tôi có với nhau 01 người con chung tên An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016. Hiện nay cháu An Minh Đ đang sống cùng với vợ tôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống tôi và vợ tôi không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy vào ngày 09/8/2015 âm lịch, chị N và anh S có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị N và anh S là vợ chồng.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị N và anh S thống nhất xác định có với nhau 01 người con chung tên An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016, hiện nay cháu Đ đang sống cùng với chị N. Lý do cháu Đ mang họ của mẹ là do chị N và anh S không Đ ký kết hôn nên khi đi đăng ký khai sinh cho con chị N để con mang họ của chị. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại cháu An Minh Đ sinh ngày 24/8/2016 mới được 23 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do đó căn cứ vào Điều luật nêu trên cần tiếp tục giao cháu An Minh Đ, sinh

ngày 24/8/2016 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con do đó không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những nội dung trên, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị An Thị Ngọc N và anh Châu Minh S. Về con chung: Giao cháu An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh S được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị An Thị Ngọc N khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung với bị đơn anh Châu Minh S. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, thị trấn N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Xét về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Châu Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai, nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S là phù hợp.

- Về nội dung vụ án:

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị An Thị Ngọc N và anh Châu Minh S, thấy rằng: Chị N và anh S có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào ngày 09/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2015 dương lịch), tuy nhiên đến nay anh chị vẫn không có đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn gia đình nên hiện nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù quá trình giải quyết vụ án anh S không đồng ý ly hôn với chị N vì hiện tại anh còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên do anh S và chị N từ khi đám cưới đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị An Thị Ngọc N và anh Châu Minh S.

[4] Xét quan hệ con chung giữa chị N và anh S, thấy rằng: Chị N và anh S thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị có với nhau 01 người con chung tên

An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016 và hiện nay cháu Đ đang sống cùng với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được quyền nuôi cháu An Minh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu An Minh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tiếp tục giao cháu An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S thống nhất xác định quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị An Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng.
- Anh Châu Minh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7; 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị An Thị Ngọc N và anh Châu Minh S.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao cháu An Minh Đ, sinh ngày 24/8/2016 cho chị An Thị Ngọc N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Châu Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Anh Châu Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị An Thị Ngọc N không yêu cầu.

3/. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị An Thị Ngọc N phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000

đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005674 ngày 20/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí.

Anh Châu Minh S không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm hôn nhân và gia đình công khai có mặt nguyên đơn chị An Thị Ngọc N, vắng mặt bị đơn anh Châu Minh S. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Hồng Dân (2b);
- CC.THADS huyện Hồng Dân (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

(Đã ký)

Trần Văn Bình